TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 14/7/2022
V/v *"Tranh chấp đất đai và buộc tháo dỡ các công trình trên đất ".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST - DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp đất đai và buộc tháo dỡ các công trình trên đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1942;

Địa chỉ: phố B, tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Trung D, sinh năm 1981; Địa chỉ: phố B, tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Đào Văn R,** sinh năm: 1945; Địa chỉ: tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm: 1950; Địa chỉ: tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/07/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày***:

Thực hiện chính sách đền bù đất cho người dân phường Tiền Phong bị thu hồi đất phục vụ phát triển cÔng Nệp (đất tái định cư 5%); ông Đào Ngọc Đ trú tại tổ x phường T được Nhà nước đền bù lô số 16-D13, đường Ngõ Xóm x, khu QHDC M, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30 diện tích 52,7m^2 (việc đền bù lô đất được thực hiện công khai theo đúng quy định). Ngày 10/12/2014 ông Phạm Văn N là chồng nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông Đ. Ông N đã nộp đầy đủ các khoản thuế, phí với Nhà nước nên Ngày 05/12/2015 Ông N được UBND thành phố Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 663814 đối với thửa đất trên.

Tuy nhiên, kể từ khi quy hoạch, xây dựng khu tái định cư để đền bù cho dân tại Khu quy hoạch Cánh Mẹm, phường Tiền Phong, ông Đào Văn R đã nhận lô đất mà Nhà nước đền bù cho Ông N là đất của tổ tiên của ông R để lại. Sau khi Ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông R ngang nhiên lấn chiếm, sử dụng trái phép trên diện tích đất trên từ giữa năm 2016, cụ thể: Xây dựng 02 căn nhà cấp 4, mỗi căn diện tích khoảng 10m^2, xây tường bao cao khoảng 1,5m dọc chiều dài thửa đất và để một số đồ dùng phục vụ chăn nuôi trong 02 căn nhà xây trái phép. Gây thiệt hại cho nguyên đơn trong suốt 5 năm (từ năm 2016-2021). Gia đình nguyên đơn đã báo chính quyền 02 lần nhưng UBND phường Tiền Phong không giải quyết, gia đình nguyên đơn cũng đã ngăn cản việc sử dụng trái phép của gia đình ông R nhưng bị con trai ông R đe dọa hành hung.

Do Ông N đã mất nên gia đình nguyên đơn đã làm thủ tục thừa kế đất và ngày 21/5/2021 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình đã cấp cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 260788 đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30, Khu quy hoạch dân cư M, phường T, TP T tên người sử dụng đất là Phạm Thị T. Việc ông R cho rằng ông được quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật là không đúng. Ông R trình bày khi nhà nước thu hồi đất trên

ông R không biết gì là không đúng vì UBND phường đã 02 lần xuống nhà ông R làm việc và ông R đã ra cơ quan chính quyền làm việc.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án: Buộc ông Đào Văn R trả lại quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên cho bà Phạm Thị T. Buộc Ông Đào Văn R phải phá dỡ các công trình xây dựng trái phép trên đất, trả lại nguyên trạng thửa đất nêu trên cho bà Phạm Thị T không được cản trở gia đình nguyên đơn thực hiện quyền sử dụng đất.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 17/5/2022 bị đơn ông Đào Văn R trình bày: Thửa đất mà hiện nay bà T nhận của bà T là của gia đình ông R, có nguồn gốc là của ông nội ông R sử dụng trước khi ông R sinh ra, sau đó cho lại bố ông R, bố ông R cho ông R sử dụng. Trước đây thửa đất này là cái thùng trũng không canh tác được, sau năm 1964 khi được ông nội ông và bố ông cho sử dụng thì ông R lấp đất dần, mỗi năm một ít để trồng khoai nước. Đến năm 1992 ông R mua đất lấp cao lên thành vườn.

Ông R có xây dựng 01 gian nhà khoảng 16m^2 tường xây bằng gạch đỏ, mái lợp Proximang để làm chỗ ngủ trông coi gà, ở giữa thửa đất là khoảng sân trống, phía sau là chuồng gà xây bằng gạch lợp mái Proximang có diện tích khoảng 15m^2 và 01 đoạn tường rào. Ngoài ra ông R không xây dựng thêm công trình nào khác trên thửa đất đang tranh chấp. Ông R không nhớ rõ thời điểm xây dựng các công trình trên chỉ nhớ tại thời điểm nhà nước thu hồi đất ông R đang trồng rau trên thửa đất, sau khi nhà nước giải phóng mặt bằng thì ông R có trồng chuối trên đó, sau đó một thời gian thì ông R mới xây 02 công trình trên để nuôi gà. Về diện tích đất mà bố ông cho ông do không đo đạc nên ông không biết cụ thể là bao nhiêu, hiện nay chỉ còn 52m^2, phần đất còn lại ông đã làm đường và vỉa hè. Khi nhà nước tiến hành giải phóng mặt bằng khu C không có ai nói với ông R phần đất trên lấy ra hay giải quyết như thế nào và cũng không được bồi thường gì.

Việc ông nội ông và bố ông cho đất ông chỉ cho bằng miệng không có giấy tờ gì, nếu có giấy tờ thì mưa bão thì cũng bị thất lạc. Đến nay ông R không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Việc gia đình ông R sử dụng thửa đất trên không vi phạm hay lấn chiếm của ai cả và ông không đóng thuế vì thửa đất trên trước đây là thùng trũng nên không ai thu thuế. Khi nhà nước giải phóng mặt bằng ông có làm đơn ra UBND phường Tiền Phong về việc không bồi thường khi nhà nước lấy đất của ông làm đường và vỉa hè, UBND

phường đã mời ông ra để giải quyết nhưng không thành. Việc gia đình ông sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên là đúng pháp luật nên sau đó ông không làm đơn lên các cơ quan cấp trên hoặc Tòa án để giải quyết. Thửa đất trên của gia đình ông cạnh thửa đất của bà Đào Thị K, giữa gia đình ông và bà Đào Thị K không có họ hàng gì. Thửa đất này của ông nên ông không có ý kiến gì về việc nhà nước có bồi thường hay không bồi thường về đất. Ông khẳng định đất này là của ông không phải của bà T. Ông không có yêu cầu gì khác.

* Tại Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày 17/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày: Bà hoàn toàn nhất trí như ý kiến của chồng bà là ông R, việc gia đình bà sử dụng đất trên là hoàn toàn đúng nên gia đình bà có quyền sử dụng, bà T cho rằng thửa đất trên là của bà T là không đúng. Ngay khi bà phát hiện ra bà T bốc được lô đất nhà bà, bà đã đến nhà bà T bảo bà T bốc lô khác đi chứ lô đất này là của nhà bà.

* Ủy ban nhân dân phường Tiền Phong cung cấp: Về nguồn gốc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30 diện tích 52,7m^2. Theo tài liệu bản đồ đo đạc T299 (đo đạc năm 1985) thể hiện thửa đất số trên nằm trong thửa số 207 + 210 (tờ bản đồ số 6), loại đất: Đất mạ + đất 2 lúa, chủ sử dụng: Hợp tác xã dịch vụ nÔng Nệp Tiền Phong (Đội 5) và Đào Thị K. Theo bản đồ đo đạc 241 (đo đạc năm 1996) thể hiện thửa đất trên là loại đất thủy lợi. Tại sổ quy chủ cũng không thể hiện phần diện tích đất trên của hộ gia đình ông Đào Văn R. Phần diện tích đất trên có nguồn gốc là diện tích đất 5% đất công ích do Ủy ban nhân dân phường Tiền Phong quản lý. UBND phường Tiền Phong cũng không thu tiền thuế sử dụng đất đối với gia đình ông R. Khi Nhà nước tiến hành giải phóng mặt bằng, đền bù để thực hiện Khu dịch vụ dân cư, tái định cư Cánh mẹm thì vị trí đất trên gia đình ông Đào Văn R không được đền bù. Việc giải phóng mặt bằng đã được ban giải phóng mặt bằng UBND thành phố Thái Bình niêm yết công khai, bốc thăm, ghép lô. Ngày 08/12/2015 ông Phạm Văn N đã được Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY663814 thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30, diện tích 52,7m^2 tại khu QHDC Cánh Mẹm, phường Tiền Phong. Việc ông Phạm Văn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ các công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp là do ông R xây sau năm 2015, sau khi Ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay công trình của ông R xây dựng có một phần nằm trên đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Ủy ban nhân dân xã sẽ có trách nhiệm xử lý theo quy định.

* Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cung cấp: Năm 2010, Ban giải phóng mặt bằng thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có tiến hành công tác giải phóng mặt bằng đối với khu quy hoạch dân cư Cánh Mẹm, tổ 08, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Việc giải phóng mặt bằng trên theo đúng quy định của pháp luật.

* Phòng tài nguyên môi trường Thành phố Thái Bình cung cấp việc cấp giấy chứng nhận cho ông Phạm Văn N theo đúng quy định của pháp luật.

* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30, diện tích 52,7m^2 tại khu QHDC Cánh Mẹm, phường Tiền Phong có vị trí kích thước cụ thể như sau: Phía Đông Bắc dài 4,3 mét giáp đất thủy lợi; Phía Tây Nam dài 3,38 mét giáp với vỉa hè đường quy hoạch; Phía Đông Nam dài 13,67 mét giáp đất thủy lợi; Phía Tây Bắc dài 13,73 mét giáp với đất lô 15-D13. Các tài sản trên đất: 01 nhà xây tường gạch chỉ, lợp Proximang 12m^2, phần diện tích xây dựng trên đất tranh chấp là 3,41m x 3,25m x 3,4m x 3,48 m = 11,5m^2; 01 chuồng gà xây tường gạch không nung lợp Proximang diện tích 18 m^2, phần diện tích xây trên đất tranh chấp là 3,84m x 3,87m x 3,84m x 4,10m = 15 m^2; Có một phần nhà và chuồng gà nằm trên đất thủy lợi của Ủy ban nhân dân phường Tiền Phong quản lý; Đoạn tường dậu xây gạch không nung có kích thước: (3,35m x 0,17 x 0,11 + (0,17 + 0,6) x 6,73 x 0,11 + 4,48 x 0,17 x 0,11)

* Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/12/2021 thể hiện: Về giá đất: 20.000.000 đồng/m^2 x 52,7 m^2 = 1.054.000.000 đồng. Phần nhà tường xây gạch đỏ, lợp mái broximang là 11.040.000 đồng. phần nhà xây gạch không nung, lợp mái broximang là 14.900.000 đồng. Tường dậu xây gạch không nung trị giá 573.161 đồng.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành một phần các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào Điều 163, 164, 166, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T: Buộc ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T trả lại diện tích đất 52,7m^2 thuộc thửa đất

số 74, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: khu QHDC cánh Mẹm, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cho bà Phạm Thị T và buộc ông R, bà Tuyết phải tháo dỡ 01 nhà phần diện tích xây dựng trên đất tranh chấp là 3,41m x 3,25m x 3,4m x 3,48 m = 11,5m^2; 01 chuồng gà phần diện tích xây trên đất tranh chấp là 3,84m x 3,87m x 3,84m x 4,10m = 15 m^2; đoạn tường dậu xây gạch không nung có kích thước: (3,35m x 0,17 x 0,11 + (0,17 + 0,6) x 6,73 x 0,11 + 4,48 x 0,17 x 0,11). Đối với tài sản ông R, bà Tuyết xây dựng trên diện tích đất là đất thủy lợi 0.5m^2 và 3m^2, không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc ông R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ các công trình trên đất nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp đất đai và buộc tháo dỡ các công trình trên đất". Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Xét nguồn gốc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30 diện tích 52,7m^2. Theo tài liệu bản đồ đo đạc T299 (đo đạc năm 1985) thể hiện thửa đất số trên nằm trong thửa số 207 + 210 (tờ bản đồ số 6), loại đất: Đất mạ + đất 2 lúa, chủ sử dụng: Hợp tác xã dịch vụ nÔng Nệp Tiền Phong (Đội 5) và Đào Thị K diện tích 166m^2 và 526 m^2. Theo bản đồ đo đạc 241 (đo đạc năm 1996) thể hiện thửa đất trên là loại đất thủy lợi. Tại sổ quy chủ cũng không thể hiện phần diện tích đất trên của hộ gia đình ông Đào Văn R. UBND phường Tiền Phong cũng không thu tiền thuế sử dụng đất đối với gia đình ông R. Việc ông R cho rằng đất trên của ông cha ông R

để lại nhưng ông R không có giấy tờ, tài liệu chứng cứ chứng minh. Do vậy phần diện tích đất trên có nguồn gốc là diện tích đất 5% đất công ích do Ủy ban nhân dân phường Tiền Phong quản lý. Việc giải phóng mặt bằng đã được ban giải phóng mặt bằng UBND thành phố Thái Bình niêm yết công khai, bốc thăm, ghép lô. Ngày 08/12/2015 ông Phạm Văn N đã được Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY663814 thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30, diện tích 52,7m^2 tại khu QHDC Cánh Mẹm, phường Tiền Phong. Việc ông Phạm Văn N sau đó là bà Phạm Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên diện tích 52,7m^2 đất tại khu QHDC Cánh Mẹm, phường Tiền Phong có số thửa 74, tờ bản đồ số 30 là của bà Phạm Thị T.

[4] Khoản 2 Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại." Do vậy việc ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T tự ý xây dựng các công trình trên đất của ông Phạm Văn N nay là của bà Phạm Thị T là không đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T phải tháo dỡ các công trình trên đất trả lại đất cho bà Phạm Thị T.

[5] Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T xây dựng nhà và chuồng gà trên đất của nguyên đơn và có một phần nằm trên đất thủy lợi do UBND phường Tiền Phong quản lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 5.000.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng do vậy cần buộc ông R phải hoàn trả cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 11, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T: Xác định thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: khu QHDC cánh Mẹm, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích 52,7 m^2 là của bà Phạm Thị T. Buộc ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T phải tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép trên diện tích đất trên để trả lại diện tích 52,7 m^2 đất trên cho bà Phạm Thị T. Các công trình của ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T phải tháo dỡ gồm: 01 nhà phần diện tích xây dựng trên đất tranh chấp là 3,41m x 3,25m x 3,4m x 3,48 m = 11,5m^2; 01 chuồng gà phần diện tích xây trên đất tranh chấp là 3,84m x 3,87m x 3,84m x 4,10m = 15 m^2; đoạn tường dậu xây gạch không nung có kích thước: (3,35m x 0,17 x 0,11 + (0,17 + 0,6) x 6,73 x 0,11 + 4,48 x 0,17 x 0,11). (Có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T phải hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng chẵn).*

3. Về án phí: Ông Đào Văn R và bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/7/2022. Ông Đào Văn R, bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương